

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/4/2021

*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Đáng
2. Ông Phạm Văn Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhựt, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt đề ngày 16/3/2021).

- Bị đơn: Chị C, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 11 năm 2020, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn, anh B trình bày: Anh và chị C xây dựng hôn nhân năm 2015, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99/2015, quyền số 01/2015 ngày 19/8/2015.

Vợ chồng anh chung sống có một con chung tên E, sinh ngày 20/3/2016 đang sống chung với chị C.

Vợ chồng anh chung sống từ năm 2015 nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng tôi chung sống với cha mẹ, vợ chồng đi làm thuê nên chỉ đủ sinh sống hằng ngày, không tạo lập được tài sản chung. Vợ chồng anh cũng không thiếu nợ ai, không vay tiền, tài sản của cá nhân, tổ chức tín dụng và ngân hàng nào, cũng không ai thiếu tiền hay tài sản của vợ chồng anh.

Nguyên nhân ly hôn là do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về kinh tế, tình cảm, chị C đuổi anh ra khỏi nhà, không cho anh sống chung và kêu anh làm đơn ly hôn đi chị C sẽ ký. Vợ chồng anh đã sống ly thân gần một năm nay. Trong thời gian sống ly thân và xảy ra mâu thuẫn, anh và chị C không còn tình cảm nên không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị C, không yêu cầu đoàn tụ; anh đồng ý giao cháu E, sinh ngày 20/3/2016 cho chị C tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh không cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn chị C: Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu để làm việc, tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng chị Diễm không đến Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên không ghi nhận được ý kiến của chị Diễm đối với yêu cầu khởi kiện của anh Thiện.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị C. Xử cho anh B được ly hôn với chị C. Con chung giao cho

chị C tiếp tục nuôi dưỡng, tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình anh Thiện phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Anh B yêu cầu ly hôn với chị C, hiện nay chị Diễm cư trú tại ấp Béc G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh B có đơn xin xét xử vắng mặt; chị C đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hai lần nhưng đều vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Anh B và chị C xây dựng hôn nhân năm 2015, không tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99/2015, quyền số 01/2015 ngày 19/8/2015 nên hôn nhân giữa anh B và chị C là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, tuy là vợ chồng nhưng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vợ chồng anh đã sống ly thân một năm nay, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Theo trưởng ấp G, xã H, huyện A, tỉnh Bạc Liêu xác nhận anh B và chị C đã sống ly thân một năm nay. Nay anh B cương quyết được ly hôn với chị C. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân phải dựa trên cơ sở tự nguyện của cả vợ lẫn chồng, cùng nhau chăm sóc, yêu thương nhau nhưng ở đây anh B và chị C đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mặt khác, anh B và chị C đã sống ly thân một năm nay và không có biện pháp gì để hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh B đối với chị C.

[3.2] Về con chung: Anh B và chị C có một con chung tên E, sinh ngày 20/3/2016 đang sống chung với chị C. Anh B đồng ý giao cháu E cho chị C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh B không cấp dưỡng nuôi con. Do đó cần tiếp tục giao cháu E, sinh ngày 20/3/2016 cho chị C tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Do chị C không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng

nuôi con nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu chị C có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ khởi kiện ở một vụ án khác. Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh B xác định vợ chồng anh chung sống không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, anh B phải chịu theo quy định pháp luật.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016).

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh B đối với chị C. Xử cho anh B được ly hôn với chị C.

2. Về con chung: Giao cháu E, sinh ngày 20/3/2016 cho chị C tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu E đang sống chung với chị C nên chị C được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu E.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị C không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Về án phí Hôn nhân và Gia đình: Anh B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh B đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008427 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên được chuyển thu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;;
- VKSND huyện A;
- CC THADS huyện A
- UBND xã H, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Hoàng Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHÁN **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA